

Số: 529/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 17 tháng 09 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử
dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số
633/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 09 năm 2024, về việc yêu cầu công
nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị Nguyễn Thị O – sinh năm 1985; Nơi thường trú: Thôn H, xã Đ,
huyện T, tỉnh T; Cư trú: Tổ 27, phường L, quận H, H.
- Anh Đỗ Văn N – sinh năm 1989; Nơi thường trú: Thôn H, xã Đ,
huyện T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị O và Anh Đỗ Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết
hôn ngày 06/06/2011 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh T. Quá trình chung sống
vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan
điểm sống, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả,
vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh
phúc. Chị O và Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả
năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận
thuận tình ly hôn, đồng thời anh chị cũng thống nhất thỏa thuận về con chung,
tài sản chung, các khoản nợ chung và lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của anh chị được ghi trong Biên bản
hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 09 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện
và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị O và Anh Đỗ Văn N.

- Về con chung: Chị O và Anh N xác nhận anh chị có 02 con chung là Đỗ Hà D – sinh ngày 19/09/2011 và Đỗ Hà V, sinh ngày 26/04/2021.

Giao con chung Đỗ Hà D cho Chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao con chung Đỗ Hà V cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 17/09/2024) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N, Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị O và Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị O và Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị O tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng Chị O đã nộp theo biên lai số 0033638 ngày 06/09/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBNDX Đ, huyện T,
Tỉnh T(ĐKKH số 21/2011, quyển số
01/2010 ĐKKH, ngày 06/06/2011);
- Chi cục THA dân sự quận H;
- TAND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

H